TAND TP. THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2017/ LHST
Ngày: 31/7/2017
Vụ: Đ- T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Phượng

Bà Hà Thị Hồng Phúc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tốn, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2017 tại hội trường, Tòa án nhân dân thành phố TH tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 111/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2017 về việc "tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Đ, sinh năm 1979

Trú tại: Xóm H, xã N, huyện V, tỉnh Bắc Ninh

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Công nhân; Văn hóa: lớp 7/12;

(có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1973

Trú tại: Tổ K, phường Q, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên

Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: không; Văn hóa: lớp 12/12;

(vắng mặt lần 2 tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày:

Tháng 11/1998 chị và anh Hà Văn T có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Nhưng tại thời điểm đó anh T không có hộ khẩu thường trú nên anh chị không đăng ký kết hôn được. Đến năm 2006 anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Bắc Ninh. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, anh T chụi khó làm ăn. Tuy nhiên do anh T đi lái xe ở vùng sâu, vùng xa, kiếm được nhiều tiền lại sa vào tệ nạn xã hội. Từ năm 2003 chị cùng với gia đình đưa anh T đi cai nghiện nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã xích mích, thậm chí đánh nhau. Mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Từ năm 2011 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích nhôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh Hà Văn T để ổn định cuộc sống.

Trong thời gian chung sống vợ chồng đã có 02 con chung là Hà Văn A, sinh ngày 02/3/2000 và Hà Văn T, sinh ngày 14/9/2004. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hà Văn T trình bày: Anh nhất trí với lời khai của chị Đ về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung là đúng.

Anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn mà nguyên nhân anh cho rằng do chị Đ đi làm công nhân có nhiều mối quan hệ và có quan hệ bất chính bên ngoài với một người nên không còn tình cảm với anh nữa và muốn ly hôn để được tự do. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên chị Đ xin ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Nếu chị Đ cứ cương quyết ly hôn thì anh nhất trí để chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên các bên không thỏa thuận được với nhau hơn nữa anh T cũng không đến để hòa giải. Vì vậy, cần phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn là anh Hà Văn T có địa chỉ cư trú tại thành phố TH, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố TH theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh T nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung: Chị Trần Thị Đ và anh Hà Văn T, có đăng ký kết hôn năm 2006 tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Bắc Ninh. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống do anh T mắc tệ nạn xã hội nghiện ngập ma túy, không chịu làm ăn chỉ lấy tiền của gia đình đi tiêu; vợ chồng đã phải đi làm ăn kinh tế ở nhiều nơi để cho anh T có thể cai nghiện để gia đình cải thiện cuộc sống, nhưng anh T không thể cai nghiện được. Vì vậy vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, không có sự tin tưởng, không quan tâm lẫn nhau.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Tại phiên tòa hôm nay chị Đ vẫn kiên quyết xin ly hôn để ổn định cuộc sống, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2015.

Về con chung: Vợ chồng có có 02 con chung là Hà Văn A, sinh ngày 02/3/2000 và Hà Văn T, sinh ngày 14/9/2004. Xét về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thấy rằng anh T mắc tệ nạn xã hội, lại không có công ăn việc làm, cuộc sống không ổn định, không thường xuyên ở nhà. Chị Đ có việc làm ổn định, có nơi cư trú rõ ràng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cho chị Đ chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con là hợp lý và phù hợp với Điều 58,81,82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do chị Đ không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, 146, 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 Luật phí và lệ phí, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH về phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Đ. Cho chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Hà Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Hà Văn A, sinh ngày 02/3/2000 và Hà Văn T, sinh ngày 14/9/2004 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không giải quyết do chị Đ không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp sang theo biên lai thu số 0004860 ngày 02/3/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thái Nguyên.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày; kể từ ngày tuyên án đối với chị Trần Thị Đ. Kể từ ngày anh Hà Văn T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKS TPTN;
- VKS ND tỉnh TN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND xá Ngọc Xá;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà